

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Số: 1325./SBH-TCKT

V/v công bố Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2019 và giải trình chênh lệch lợi nhuận

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 14 tháng 08 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 02C Trần Hưng Đạo - Phường 1 - TP Tuy Hòa - tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lý
6. Địa chỉ: 02C Trần Hưng Đạo - Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên.
7. Điện thoại: 0257.2470.999
8. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2019 và giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2019 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc (<http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên (hard-copy);
- HĐQT (kính b/c) (e-copy);
- BKS (đề biết) (e-copy);
- Website công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Lý

Phú Yên, ngày 14 tháng 08 năm 2019

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận
Báo cáo tài chính bán niên soát xét
năm 2019

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) kính giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2019, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	06 tháng 2018	06 tháng 2019	Tăng (Giảm)	Tỷ lệ %
I. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	300.13	248.66	(51.47)	(17.15%)
II. Tổng Chi phí	Tỷ đồng	170.58	175.83	5.25	(3.08%)
Trong đó:					
1. Hoạt động sản xuất điện					
Sản lượng điện	Tr.Kwh	206.22	196.08	(10.14)	(4.92%)
Doanh thu SX điện	Tỷ đồng	294.23	242.53	(51.70)	(17.57%)
Chi phí SX điện	Tỷ đồng	152.15	164.93	12.78	8.40%
Lợi nhuận SX điện	Tỷ đồng	142.08	77.60	(64.48)	(45.38%)
2. Hoạt động tài chính					
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	5.86	5.93	0.06	1.08%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	18.43	10.90	(7.53)	(40.84%)
Lợi nhuận	Tỷ đồng	(12.57)	(4.97)	7.60	
3. Hoạt động khác	Tỷ đồng				
Doanh thu khác	Tỷ đồng	0.04	0.21	0.17	430.61%
Chi phí khác	Tỷ đồng	0.00	0.00	0.00	
Lợi nhuận	Tỷ đồng	0.04	0.21	0.17	430.61%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	129.55	72.83	(56.72)	(43.78%)
5. Thuế TNDN	Tỷ đồng	7.36	(1.81)	(9.17)	
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	122.19	74.64	(47.55)	(38.91%)

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2019 giảm 38.91% so với cùng kỳ năm 2018, nguyên nhân chủ yếu như sau:



- Tổng doanh thu 06 tháng đầu năm 2019 giảm 17.15% so với cùng kỳ năm 2018 do giá bán điện theo hợp đồng mua bán điện và sản lượng điện giảm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (hard-copy);
- HĐQT (kính b/c; e-copy);
- BKS (đề biết; e-copy);
- Website công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Lý





**Công ty Cổ phần Thủy điện
Sông Ba Hạ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	3603000101	Ngày 28 tháng 12 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số	4400415302	Ngày 14 tháng 11 năm 2011
	4400415302	Ngày 17 tháng 10 năm 2016
	4400415302	Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Tăng	Chủ tịch
	Ông Trần Lý	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Phú	Thành viên
	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 1 tháng 5 năm 2019)

Trụ sở đăng ký	Số 02C, Trần Hưng Đạo Thành phố Tuy Hòa Tỉnh Phú Yên Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Phú Yên, ngày 12 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00014-19-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		713.906.881.076	772.473.208.202
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	34.804.332.064	123.053.969.993
Tiền	111		14.804.332.064	103.053.969.993
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		538.455.515.068	421.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	538.455.515.068	421.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.257.722.400	225.672.020.019
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	121.420.263.432	204.851.141.224
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.693.077.656	2.148.877.386
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.144.381.312	18.672.001.409
Hàng tồn kho	140	10	2.581.384.933	2.593.520.126
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.807.926.611	153.698.064
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	1.807.926.611	153.698.064
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.606.678.890.871	1.700.553.084.265
Tài sản cố định	220		1.585.618.441.149	1.679.146.276.670
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.581.311.367.723	1.674.787.236.416
Nguyên giá	222		4.187.062.254.070	4.184.706.564.065
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.605.750.886.347)	(2.509.919.327.649)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.307.073.426	4.359.040.254
Nguyên giá	228		5.022.536.448	5.022.536.448
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(715.463.022)	(663.496.194)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.000.249.400	1.320.816.673
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.000.249.400	1.320.816.673
Tài sản dài hạn khác	260		20.060.200.322	20.085.990.922
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		20.060.200.322	20.085.990.922
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.320.585.771.947	2.473.026.292.467

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		352.403.270.452	447.798.947.405
Nợ ngắn hạn	310		244.236.403.499	339.632.080.452
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.206.726.542	19.909.838.387
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(a)	9.765.220.409	19.409.780.262
Phải trả người lao động	314		1.435.838.196	12.472.282.622
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	18.994.369.839	2.995.978.450
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	38.057.857.963	82.562.611.271
Vay ngắn hạn	320	17	160.000.000.000	199.030.893.122
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.776.390.550	3.250.696.338
Nợ dài hạn	330		108.166.866.953	108.166.866.953
Vay dài hạn	338	17	108.166.866.953	108.166.866.953
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.968.182.501.495	2.025.227.345.062
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.968.182.501.495	2.025.227.345.062
Vốn cổ phần	411	20	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	103.578.565.019	49.433.250.349
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		574.353.936.476	685.544.094.713
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		499.712.799.168	380.834.712.481
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.641.137.308	304.709.382.232
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.320.585.771.947	2.473.026.292.467

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Đặng Thị Lan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Trần Lý
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	242.529.376.760	294.226.805.630
Giá vốn hàng bán	11	24	150.220.389.525	140.339.885.732
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		92.308.987.235	153.886.919.898
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.925.776.739	5.862.289.975
Chi phí tài chính	22	26	10.902.269.380	18.429.517.354
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		10.902.269.380	17.480.820.411
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.707.234.744	11.807.964.897
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)	30		72.625.259.850	129.511.727.622
Thu nhập khác	31		207.950.847	39.190.912
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40		207.950.847	39.190.912
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		72.833.210.697	129.550.918.534
(Lợi ích)/Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	(1.807.926.611)	7.361.001.458
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		74.641.137.308	122.189.917.076
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	601	984

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Đặng Thị Lan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Trần Lý
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	72.833.210.697	129.550.918.534
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	96.396.356.430	96.465.634.940
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	856.345.893
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.117.680.869)	(5.862.289.975)
Chi phí lãi vay	06	10.902.269.380	17.480.820.411
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	174.014.155.638	238.491.429.803
Biến động các khoản phải thu	09	44.132.836.808	(21.166.034.282)
Biến động hàng tồn kho	10	37.925.793	(1.913.403.081)
Biến động các khoản phải trả	11	(13.868.247.137)	30.358.789.865
		204.316.671.102	245.770.782.305
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.851.381.659)	(10.262.295.337)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.061.650.952)	(17.870.480.826)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.935.286.663)	(6.193.055.715)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	181.468.351.828	211.444.950.427
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(2.547.953.636)	(2.252.572.726)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	205.318.182	-
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	23	195.000.000.000	-
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(312.455.515.068)	(57.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	12.316.628.440	7.549.723.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(107.481.522.082)	(51.702.849.073)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

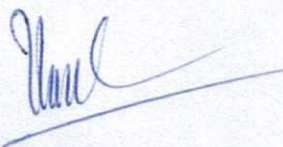
Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền trả cổ tức	36	(162.236.467.675)	(153.077.301.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(162.236.467.675)	(153.077.301.555)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(88.249.637.929)	6.664.799.799
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	123.053.969.993	212.580.650.173
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	70	34.804.332.064	219.245.449.972

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Lan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Trần Lý
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 7 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là SBH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Sản xuất và kinh doanh điện năng. Đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện. Dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp. Dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp.
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 124 nhân viên (1/1/2019: 125 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ kế toán EVN”).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá bán chuyển khoản và mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 - 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 10/2017/NĐ-CP (“Nghị định số 10”) ngày 9 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	257.553.780	194.334.822
Tiền gửi ngân hàng	14.546.778.284	102.859.635.171
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	20.000.000.000
	34.804.332.064	123.053.969.993

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,8% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 4,6% đến 4,8% một năm).

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất từ 5,5% đến 7,5% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 5,5% đến 6,8% một năm).

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng phản ánh khoản phải thu từ Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam, một bên liên quan, không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên thứ ba		
Phải thu lãi tiền gửi	3.139.438.357	9.543.704.110
Phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán công trình (*)	2.746.737.772	2.746.737.772
Tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án Trụ sở Công ty	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.258.205.183	1.381.559.527
	12.144.381.312	18.672.001.409

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Khoản này thể hiện khoản phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán khối lượng công trình, căn cứ theo Báo cáo quyết toán vốn đầu tư Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ lập ngày 29 tháng 4 năm 2016, Báo cáo kiểm toán vốn đầu tư Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C lập tại báo cáo số 135sdb/15-TĐ-KTTV ngày 6 tháng 5 năm 2016, Quyết định số 929/QĐ-SBH-HĐQT và Quyết định số 1378/QĐ-SBH-HĐQT về việc quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt lần lượt vào ngày 28 tháng 9 năm 2016 và ngày 25 tháng 10 năm 2017.

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.744.720.066.878	1.431.453.201.600	5.291.651.611	3.241.643.976	4.184.706.564.065
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.451.254.091	417.266.818	2.868.520.909
Thanh lý	-	-	(512.830.904)	-	(512.830.904)
Số dư cuối kỳ	2.744.720.066.878	1.431.453.201.600	7.230.074.798	3.658.910.794	4.187.062.254.070
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.382.736.009.103	1.121.153.923.640	3.183.315.446	2.846.079.460	2.509.919.327.649
Khấu hao trong kỳ	67.113.053.292	28.847.694.612	253.604.222	130.037.476	96.344.389.602
Thanh lý	-	-	(512.830.904)	-	(512.830.904)
Số dư cuối kỳ	1.449.849.062.395	1.150.001.618.252	2.924.088.764	2.976.116.936	2.605.750.886.347
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.361.984.057.775	310.299.277.960	2.108.336.165	395.564.516	1.674.787.236.416
Số dư cuối kỳ	1.294.871.004.483	281.451.583.348	4.305.986.034	682.793.858	1.581.311.367.723

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 23 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 23 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 17, các tài sản hình thành từ vốn vay của: (1) các khoản vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam; và (2) khoản vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.500.000.000	522.536.448	5.022.536.448
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	202.500.000	460.996.194	663.496.194
Khấu hao trong kỳ	45.000.000	6.966.828	51.966.828
Số dư cuối kỳ	247.500.000	467.963.022	715.463.022
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	4.297.500.000	61.540.254	4.359.040.254
Số dư cuối kỳ	4.252.500.000	54.573.426	4.307.073.426

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 383 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 383 triệu VND).

13. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	6.077.900.657	6.077.900.657
Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Phú Yên	-	3.428.215.113
Các nhà cung cấp khác	5.128.825.885	10.403.722.617
	11.206.726.542	19.909.838.387

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	241.175.000	1.367.449.529
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	21.013.889	21.013.889

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND	Chuyển sang thuế phải thu Nhà nước VND	30/6/2019 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	-	31.081.467.878	(27.580.079.025)	-	3.501.388.853
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.061.650.952	(1.807.926.611)	(9.061.650.952)	1.807.926.611	-
Thuế thu nhập cá nhân	74.230.047	273.574.967	(304.641.692)	-	43.163.322
Thuế tài nguyên	3.803.174.303	17.493.664.706	(17.884.494.775)	-	3.412.344.234
Thuế nhà đất	-	202.230.035	(202.230.035)	-	-
Các khoản phải nộp khác					
Phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.470.724.960	10.684.507.463	(14.346.908.423)	-	2.808.324.000
	19.409.780.262	57.927.518.438	(69.380.004.902)	1.807.926.611	9.765.220.409

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã cán trừ trong kỳ VND	Chuyển từ thuế phải trả Nhà nước VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	153.698.064	-	(153.698.064)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	1.807.926.611	1.807.926.611
	153.698.064	-	(153.698.064)	1.807.926.611	1.807.926.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Lãi vay phải trả	5.931.374.239	2.880.486.518
Chi phí sửa chữa lớn phải trả	13.000.000.000	-
Chi phí khác	62.995.600	115.491.932
	<hr/>	<hr/>
	18.994.369.839	2.995.978.450
	<hr/>	<hr/>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả	33.293.001.281	71.304.468.956
Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	4.400.039.322	11.220.723.070
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	47.630.334	24.825.354
Các khoản phải trả khác	317.187.026	12.593.891
	<hr/>	<hr/>
	38.057.857.963	82.562.611.271
	<hr/>	<hr/>

17. Vay ngắn và dài hạn

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	307.197.760.075	492.690.546.088
Cần trừ nợ phải thu trong kỳ (Thuyết minh 32)	(39.030.893.122)	(38.174.565.850)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	856.345.893
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	268.166.866.953	455.372.326.131
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong đó:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	160.000.000.000	199.030.893.122
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	108.166.866.953	108.166.866.953

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay có đảm bảo					
<i>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất</i>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (i)					
	VND	7,5%	2019	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Trung Quốc (ii)					
	USD	5,8%	2019	-	39.030.893.122
<i>Vay lại từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ</i>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (iii)					
	VND	Lãi suất bình quân + 1%	2021	168.166.866.953	168.166.866.953
				268.166.866.953	307.197.760.075

- (i) Khoản vay 1 từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan tới hợp đồng cho vay lại số 03/EVN-SONGBAHA/TCKT từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng số tiền vay là 400 tỷ VND, thời hạn vay là 11 năm (từ 31 tháng 5 năm 2008 đến 20 tháng 8 năm 2019), lãi suất là 7,5%/năm, phí cho vay lại là 0,2%/năm, mục đích vay để đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Tiền gốc vay trả đều mỗi năm một lần là 100 tỷ VND bắt đầu từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Khoản vay 2 từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam là khoản vay theo Hợp đồng cho vay lại số 03/2008/EVN/TCKT-SONGBAHA ngày 1 tháng 7 năm 2008 từ khoản vay của Tập đoàn Điện lực Việt Nam với Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Trung Quốc với số tiền vay là 33.582.216,15 USD, thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là 5,18%/năm, phí cam kết là 0,3%/năm, phí quản lý là 0,3%/năm, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán cho hợp đồng thương mại. Khoản vay được trả nhiều lần từ năm 2008 và đã tất toán trong kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay 1 từ Tổng Công ty Phát điện 2 là khoản vay theo Hợp đồng cho vay lại số 02/GENCO2-SÔNG BA HẠ/TCKT ngày 12 tháng 12 năm 2016 từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng số hạn mức tín dụng là 380 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22 tháng 12 năm 2016), với lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của bốn ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) cộng với lãi suất biên là 1%, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty. Số nợ gốc phải trả trong 2 năm đầu tiên là 10 tỷ VND/năm và trong 6 năm tiếp theo là 60 tỷ VND/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	3.250.696.338	2.960.581.386
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 19)	7.460.980.875	7.731.980.667
Sử dụng trong kỳ	(5.935.286.663)	(6.193.055.715)
Số dư cuối kỳ	4.776.390.550	4.499.506.338

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.242.250.000.000	48.000.000.000	13.160.562.221	586.331.881.276	1.889.742.443.497
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	122.189.917.076	122.189.917.076
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 22)	-	-	36.272.688.128	(36.272.688.128)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(7.731.980.667)	(7.731.980.667)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(161.492.500.000)	(161.492.500.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	1.242.250.000.000	48.000.000.000	49.433.250.349	503.024.629.557	1.842.707.879.906
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	368.856.965.156	368.856.965.156
Cổ tức	-	-	-	(186.337.500.000)	(186.337.500.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.242.250.000.000	48.000.000.000	49.433.250.349	685.544.094.713	2.025.227.345.062
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	74.641.137.308	74.641.137.308
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 22)	-	-	54.145.314.670	(54.145.314.670)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(7.460.980.875)	(7.460.980.875)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(124.225.000.000)	(124.225.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.242.250.000.000	48.000.000.000	103.578.565.019	574.353.936.476	1.968.182.501.495

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 310.563 triệu VND, tương ứng 25% vốn điều lệ của Công ty (năm 2018 phân phối khoản cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 248.450 triệu VND, tương ứng 20% vốn điều lệ của Công ty). Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 186.338 triệu VND trong năm 2018, theo đó, Công ty tiếp tục phân phối phần cổ tức còn lại là 124.225 triệu VND.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong kỳ của quỹ đầu tư phát triển như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	49.433.250.349	13.160.562.221
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 19)	54.145.314.670	36.272.688.128
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	103.578.565.019	49.433.250.349
	<hr/>	<hr/>

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.147.544.452	96.196.381.333
Thuế tài nguyên và môi trường rừng	28.176.324.850	28.898.466.544
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	13.000.000.000	5.144.208.135
Chi phí nhân công	5.686.317.166	6.758.374.159
Chi phí nguyên vật liệu	981.169.657	253.537.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.968.164	2.141.603.585
Chi phí khác	5.655.065.236	947.314.875
	<hr/>	<hr/>
	150.220.389.525	140.339.885.732
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.912.362.687	5.862.289.975
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.414.052	-
	5.925.776.739	5.862.289.975
	5.925.776.739	5.862.289.975

26. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi vay và phí vay lại	10.902.269.380	17.480.820.411
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	92.351.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	856.345.893
	10.902.269.380	18.429.517.354
	10.902.269.380	18.429.517.354

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.843.937.014	6.866.881.395
Chi phí khấu hao và phân bổ	248.811.978	269.253.607
Chi phí vật liệu	117.342.500	193.094.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.647.812.102	1.158.555.653
Chi phí khác	4.849.331.150	3.320.180.242
	14.707.234.744	11.807.964.897
	14.707.234.744	11.807.964.897

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.098.512.157	253.537.101
Chi phí nhân công	13.530.254.180	13.625.255.554
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.396.356.430	96.465.634.940
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	13.000.000.000	5.144.208.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.221.780.266	3.300.159.238
Chi phí khác	38.680.721.236	33.359.055.661

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
(Lợi ích)/Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.660.841.349	7.361.001.458
Dự phòng thừa trong những năm trước	(5.468.767.960)	-
	(1.807.926.611)	7.361.001.458

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	72.833.210.697	129.550.918.534
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.283.321.070	12.955.091.853
Ưu đãi thuế	(3.660.841.349)	(6.200.587.417)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	580.207.021
Chi phí không được khấu trừ thuế	38.361.628	26.290.001
Dự phòng thừa trong những năm trước	(5.468.767.960)	-
	(1.807.926.611)	7.361.001.458

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2018: 20%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	74.641.137.308	122.189.917.076
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>74.641.137.308</u>	<u>122.189.917.076</u>

(*) Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 124.225.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí lãi vay	4.277.896.213	10.758.089.613
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cổ tức	76.740.931.000	99.763.210.300
Chi phí lãi vay	6.624.373.167	6.722.730.798
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	242.529.376.760	294.226.805.630
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh		
Cổ tức	80.000.000.000	41.600.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Cổ tức	22.400.000.000	11.648.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung		
Cổ tức	10.000.000.000	5.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi		
Cổ tức	-	1.664.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua dịch vụ	1.126.274.529	1.724.756.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	350.203.023	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	339.889.900	363.086.000
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	499.804.250	533.914.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Thanh toán gốc vay bằng cách cản trừ với khoản phải thu khách hàng (Thuyết minh 17)	39.030.893.122	38.174.565.850

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Đặng Thị Lan
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông
Kế toán trưởng



Trần Lý
Tổng Giám đốc